

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 92/2007/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

- Xác định mức bảo đảm phòng, chống lũ cho hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình.
- Xác định lũ thiết kế của tuyến sông gồm lưu lượng lũ thiết kế và mực nước lũ thiết kế.
- Xác định giải pháp công trình, phi công trình để phòng, chống lũ đối với từng địa phương thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình.
- Làm cơ sở để lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết thuộc phạm vi quản lý của địa phương; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác liên quan của các Bộ, ngành, địa phương.

II. PHẠM VI QUY HOẠCH

Bao gồm các tỉnh, thành phố có đê thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình: Phú Thọ, Hà Tây, Hoà Bình, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam và các tỉnh thượng nguồn của hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình.

III. TIÊU CHUẨN PHÒNG, CHỐNG LŨ

1. Giai đoạn 2007 - 2010: bảo đảm chống lũ có chu kỳ 250 năm (tần suất 0,4%), lưu lượng tương ứng tại Sơn Tây 42.600 m³/s.

2. Giai đoạn 2010 - 2015: bảo đảm chống lũ có chu kỳ 500 năm (tần suất 0,2%), lưu lượng tương ứng tại Sơn Tây 48.500 m³/s.

3. Tiêu chuẩn phòng lũ đối với hệ thống đê:

- Tại Hà Nội: bảo đảm chống được lũ tương ứng với mực nước sông Hồng tại trạm Long Biên là 13,4 m và thoát được lưu lượng tối thiểu là 20.000 m³/s;

- Tại Phả Lại: bảo đảm chống được lũ tương ứng với mực nước sông Thái Bình tại trạm Phả Lại là 7,2 m;

- Đối với hệ thống đê điều các vùng khác: bảo đảm chống được lũ tương ứng với mực nước sông Hồng tại trạm Long Biên là 13,1 m;

Phần lưu lượng vượt quá khả năng trên sẽ được sử dụng các giải pháp khác: điều tiết hồ chứa, phân lũ, chậm lũ, cải tạo lòng sông thoát lũ,....

IV. CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG LŨ

Các giải pháp phòng, chống lũ hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình, bao gồm: điều tiết các hồ chứa cắt giảm lũ; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn; củng cố và nâng cấp hệ thống đê điều; cải tạo lòng dẫn tăng khả năng thoát lũ; thực hiện phân lũ, chậm lũ; tràn qua các đường tràn cứu hộ và có giải pháp bảo đảm an toàn đê trong trường hợp tràn toàn tuyến; tổ chức hộ đê và cứu hộ đê điều.

1. Điều tiết các hồ chứa cắt giảm lũ: các hồ chứa nước đã và đang xây dựng trên thượng nguồn hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình sẽ tham gia điều tiết cắt giảm lũ cho hạ du. Các chỉ tiêu kỹ thuật được sử dụng để lập quy trình điều tiết lũ đối với các hồ chứa nước:

a) Hồ Hòa Bình: cao trình mực nước dâng bình thường: 117,0 m; mực nước dâng gia cường: 122,0 m; mực nước trước lũ thấp nhất: 88,0 m; dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du: 4,9 tỷ m³;

b) Hồ Tuyên Quang: cao trình mực nước dâng bình thường: 120,0 m; mực nước dâng gia cường: 122,55 m; mực nước trước lũ thấp nhất: 90,0 m; dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du: 1,0 tỷ m³;

c) Hồ Thác Bà: cao trình mực nước dâng bình thường: 58,0 m; mực nước dâng gia cường: 61,0 m; mực nước trước lũ thấp nhất: 56,0 m; dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du: 0,45 tỷ m³;

d) Hồ Sơn La: cao trình mực nước dâng bình thường: 215,0 m; mực nước dâng gia cường: 217,83 m; dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du (kết hợp với hồ Hòa Bình): 7,0 tỷ m³;

đ) Tổng dung tích cắt lũ của bậc thang sông Đà là 7 tỷ m³ và hệ thống sông Lô, Gâm là 1,5 tỷ m³. Với mức cắt giảm lũ trên, nếu xuất hiện lũ có chu kỳ lặp lại 500 năm thì có thể bảo đảm mực nước tại Hà Nội không vượt quá 13,40 m;

Trong mùa mưa lũ, các hồ chứa phải thực hiện việc cắt giảm lũ cho hạ du; đồng thời phải bảo đảm an toàn cho công trình. Việc vận hành cắt giảm lũ của các hồ chứa phải tuân thủ theo quy trình vận hành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn:

- Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn là một trong những giải pháp quan trọng, lâu dài trong công tác phòng, chống lũ cho hạ du, nhằm tăng độ che phủ, chống xói mòn, chống cạn kiệt, phòng, chống lũ quét;

Tổ chức, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình trồng rừng, mục tiêu đến năm 2010, vùng Đông Bắc trồng thêm khoảng 2,0 triệu ha, vùng Tây Bắc trồng thêm khoảng 0,7 triệu ha, nâng độ che phủ của rừng lên trên 55%.

- Từ sau năm 2010, chú trọng công tác bảo vệ rừng và khai thác một cách hợp lý, bảo đảm duy trì độ che phủ và tiếp tục trồng rừng bổ sung ở những nơi có điều kiện để tăng thêm diện tích được che phủ.

3. củng cố và nâng cấp hệ thống đê điều:

a) Đê là giải pháp chống lũ cơ bản, lâu dài đối với đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Hệ thống đê hiện tại đã bảo đảm chiều cao chống được các trận lũ lớn đã từng xảy ra; Cần giữ cao trình đê ở mức hiện tại, chú trọng việc đầu tư củng cố, nâng cấp và kiên cố hóa hệ thống đê để bảo đảm an toàn chống lũ, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội.

b) Các giải pháp kỹ thuật củng cố, nâng cấp, kiên cố hóa đê điều bao gồm:

- Thân đê: đắp tôn cao, áp trúc mở rộng mặt cắt và đắp cơ đê để hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn thiết kế; phát hiện và xử lý ẩn họa trong thân đê; xây dựng các đường tràn sự cố phòng lũ cực hạn trên một số tuyến đê và trong khu vực phân lũ, chặm lũ; trồng cây chống sóng, trồng cỏ chống xói mòn bảo vệ mái đê, đồng thời tạo cảnh quan môi trường;

- Nền đê: áp dụng khoa học công nghệ mới, vật liệu mới để xử lý nền đối với những đoạn nền đê có địa chất yếu nhằm bảo đảm an toàn cho đê. Lấp đầm, hồ ao ven đê để tăng cường ổn định cho đê. Đắp tầng phủ nhằm kéo dài đường viền thấm; đắp tầng phản áp tăng khả năng chống trượt ở những khu vực nền đê yếu, thường xuyên bị đùn sủi;

- Cải tạo mặt đê, đường hành lang chân đê: gia cố mặt đê chủ yếu bằng bê tông để tăng ổn định cho thân đê khi mặt đê bị nước tràn qua trong trường hợp có lũ lớn, kết hợp làm đường giao thông nông thôn, làm đường sơ tán dân trong tình huống khẩn cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý đê, tổ chức hộ đê. Xây dựng đường hành lang chân đê phục vụ công tác quản lý đê, hộ đê, chống lấn chiếm thân đê và kết hợp làm đường gom ở những khu dân cư;

- Phòng, chống sạt lở bờ sông: việc xử lý sạt lở bờ sông cần kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; đồng thời phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, vùng sạt lở đe dọa trực tiếp đến an toàn đê điều và các công trình phòng, chống lụt, bão; các khu tập trung dân cư, khu đô thị được ưu tiên xử lý trước;

Phải có kế hoạch di dời dân cư trong vùng sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở; đồng thời không quy hoạch xây dựng công trình và bố trí dân cư ở những vùng có nguy cơ sạt lở.

Đối với khu vực không có dân cư, công trình thì giải pháp bảo vệ bờ chủ yếu là trồng cỏ.

- Xây dựng, nâng cấp các cống qua đê: việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp các cống qua đê phải bảo đảm an toàn chống lũ, an toàn cho đê điều; phù hợp với mặt cắt thiết kế đê; đủ khả năng chịu tải khi kết hợp giao thông; những nơi có điều kiện thì thiết kế hệ thống lấy nước phù sa để cải tạo đồng ruộng; cầu công tác và dàn đóng mở phải đủ cao trình để bảo đảm hoạt động trong mùa lũ; xây dựng quy trình vận hành các cống qua đê. Thực hiện kiểm tra thường xuyên các cống qua đê, những cống bị hư hỏng nhưng chưa có điều kiện làm mới hoặc sửa chữa phải cương quyết hoành triệt để bảo đảm an toàn chống lũ.

c) Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ: tăng cường nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ mới, vật liệu mới và các thiết bị tiên tiến trong quá trình quản lý, xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa công trình đê điều.

4. Cải tạo lòng dẫn:

- Rà soát, bổ sung điều chỉnh quy hoạch lại các vùng dân cư ngoài bãi sông hiện có, tạo lòng dẫn thông thoáng, tăng khả năng thoát lũ;
- Kiểm soát chặt chẽ việc củng cố các tuyến đê bồi hiện có;
- Việc xây dựng các công trình giao thông ở lòng sông và bãi sông phải tuân thủ chặt chẽ pháp luật hiện hành;
- Từng bước thực hiện nạo vét cửa sông, bãi bồi để tăng khả năng thoát lũ.

5. Sử dụng các khu phân lũ, chậm lũ: khi có lũ lớn, các hồ chứa điều tiết cắt lũ cho hạ du đã sử dụng hết dung tích phòng lũ, mà dự báo lũ còn tiếp tục lên, mực nước sông Hồng tại Hà Nội có khả năng vượt 13,4 m, Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định công bố lệnh báo động khẩn cấp về lũ lụt; đồng thời thực hiện phân lũ, chậm lũ theo Quy chế phân lũ, chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng ban hành kèm theo Nghị định số 62/1999/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 1999 của Chính phủ.

a) Phân lũ: nội dung phân lũ là chuyển một phần lưu lượng lũ từ sông Hồng vào sông Đáy qua cửa đập Đáy; chuyển một phần lưu lượng lũ từ sông Đà vào sông